TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Đình Hải.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng, bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:*** Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị T. Sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Dương Hồng D. Sinh năm 1996.
Nơi cư trú: Thôn X, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị T và ông Dương Hồng D chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện từ năm 2006; đến ngày 25/8/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống và tính cách của vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẻ đồng cảm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T xin ly hôn ông D.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Dương Hồng Q, sinh ngày

20/6/2006, Dương Thị N, sinh ngày 09/9/2011 và Dương Hồng T, sinh ngày 16/7/2016.

Con chung Dương Hồng Q đã trưởng thành nên bà T không có yêu cầu gì. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung Dương Thị N và Dương Hồng T đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Bà T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Dương Hồng D:* Quá trình giải quyết vụ án, ông D đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và chính quyền địa phương đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng để ông D tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:*

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dụng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T; cho bà T được ly hôn ông Dương Hồng D.

Về con chung: Con chung Dương Hồng Q đã trưởng thành nên bà T không có yêu cầu gì. Đề nghị giao 02 con chung Dương Thị N và Dương Hồng T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung, bà T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Hồng D đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về

quyền, nghĩa vụ của đương sự. Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và chính quyền địa phương đã nhiều lần niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để ông D tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Dương Hồng D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông D kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/8/2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống và tính cách của vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẻ đồng cảm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 nay.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của ông T và bà D, chính quyền địa phương cung cấp kết quả: Bà T và ông D là vợ chồng. Quá trình chung sống, bà T và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng thường cãi vã, chửi bới nhau. Ông D có hành vi hành hung bà T, nhiều lần bà T nhờ chính quyền địa phương can thiệp.

Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông D hiện nay mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn ông D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà T, ông D có 03 con chung là Dương Hồng Q, sinh ngày 20/6/2006, Dương Thị N, sinh ngày 09/9/2011 và Dương Hồng T, sinh ngày 16/7/2016. Con chung Dương Hồng Q đã trưởng thành nên bà T không có yêu cầu gì. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung Dương Thị N và Dương Hồng T đến tuổi trưởng thành.

Xét nguyện vọng của bà T, Hội đồng xét xử thấy, hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu T; cháu N và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bà T. Ông D không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến, nguyện vọng gì về con chung. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của bà T, giao 02 con chung Dương Thị N và Dương Hồng T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, tránh sự xáo trộn về tâm lý của cháu Đài là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong quá trình bà T nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000667 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T. Cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Dương Hồng D.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Dương Hồng D có 03 con chung là Dương Hồng Q, sinh ngày 20/6/2006, Dương Thị N, sinh ngày 09/9/2011 và Dương Hồng T, sinh ngày 16/7/2016.

+ Con chung Dương Hồng Q đã trưởng thành nên bà T không có yêu cầu gì.

+ Giao 02 chung con chung Dương Thị N, sinh ngày 09/9/2011 và Dương Hồng T, sinh ngày 16/7/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000667 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã Ea Ô;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Hải